



nèi lù

内陆

noun · inland; interior

Example Sentences

Zhè ge chéng shì wèi yú nèi lù dì qū
这个城市位于内陆地区。

This city is located in an inland area.

Nèi lù qì hòu gān zào jiàng shuǐ jiǎo shǎo
内陆气候干燥，降水较少。

The inland climate is dry with less rainfall.

Trace each character, then write the word on your own.

内	内	内	内	内	内	内													
陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆	陆									